

Số: 914 /STP-BTTP

Bình Dương, ngày 03 tháng 8 năm 2016

V/v hướng dẫn, quán triệt thực hiện một số quy định pháp luật về chứng thực

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố;
- Các tổ chức hành nghề công chứng.

Để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực được đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả, góp phần đưa hoạt động chứng thực đi vào nề nếp theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực, Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức hành nghề công chứng quan tâm thực hiện một số nội dung sau đây:

1. Về chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản

Thời gian qua, khi thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính, một số cơ quan thực hiện chứng thực đã chủ quan không kiểm tra kỹ bản chính làm cơ sở để chứng thực nên đã xảy ra tình trạng chứng thực cả những bản chính giả, cấp sai thẩm quyền.

Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan thực hiện chứng thực khi thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính cần kiểm tra, đối chiếu kỹ lưỡng. Trong trường hợp nghi ngờ về tính hợp pháp của bản chính giấy tờ, văn bản khi chứng thực bản sao từ bản chính thì yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin cần thiết để xác minh theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; nếu phát hiện bản chính được cấp sai thẩm quyền, giả mạo thì phải từ chối chứng thực và lập biên bản tạm giữ, chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Về quy định hợp pháp hóa lãnh sự trước khi yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký người dịch các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận

Tại Khoản 1 Điều 20, Khoản 5 Điều 32 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự trước khi yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký người dịch, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam



là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại và các trường hợp được quy định tại Điều 6 Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

Danh sách các nước và loại giấy tờ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự được cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử về công tác lãnh sự: www.lanhsuvietsam.gov.vn→Giới thiệu→Hệ thống văn bản pháp quy→Điều ước quốc tế song phương→Danh sách các nước và loại giấy tờ được miễn hợp pháp hóa khi sử dụng tại Việt Nam.

Đề nghị các cơ quan thực hiện chứng thực thực hiện đúng quy định nêu trên, ngoài các trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định thì không chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký người dịch đối với các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận mà các giấy tờ đó chưa được hợp pháp hóa lãnh sự.

3. Về chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản

a) Các trường hợp không được chứng thực chữ ký

Theo Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, các trường hợp không được chứng thực chữ ký bao gồm:

- Tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực chữ ký không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

- Người yêu cầu chứng thực chữ ký xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu không còn giá trị sử dụng hoặc giả mạo.

- Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân.

- Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ trường hợp chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, thực tiễn thời gian qua, một số Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản có nội dung như: cam đoan chưa kết hôn với ai (giống như giấy tuyên thệ); giấy xin xác nhận có nội dung như giấy khai sinh... Mặc dù những giấy tờ này không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP nhưng nội dung của nó tương tự giấy tờ hộ tịch mà pháp luật quy định phải cấp theo mẫu như “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”, “Giấy khai sinh”...

Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan thực hiện chứng thực không giải quyết đối với trường hợp người dân yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản có nội dung nêu trên và hướng dẫn người dân thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch. *(Nội dung này thay thế nội dung hướng dẫn tại Công văn số 1774/STP-BTTP ngày 05/11/2012 của Sở Tư pháp về giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong hoạt động công chứng).*

b) Mẫu lời chứng chứng thực chữ ký

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người thực hiện chứng thực phải ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định. Tuy nhiên, vẫn có tình trạng các cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không ghi lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 20/2015/TT-BTP.

Đề nghị các cơ quan thực hiện chứng thực chấn chỉnh, nghiên cứu kỹ và ghi đầy đủ lời chứng theo mẫu quy định.

4. Về việc chứng thực hợp đồng, giao dịch

Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định:

“1. Người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; tính hợp lệ, hợp pháp của các giấy tờ quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 36 của Nghị định này.

2. Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Người thực hiện chứng thực có quyền từ chối chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội”.

Như vậy, theo quy định nêu trên, cùng với việc xác nhận về năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện các bên; thời gian, địa điểm ký kết hợp đồng, giao dịch... thì người thực hiện chứng thực còn phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt là hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất để từ chối chứng thực trong trường hợp hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Bên cạnh đó, với trách nhiệm là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã cần kiểm tra, xác minh để bảo đảm tính hợp pháp của thửa đất là đối tượng của hợp đồng, giao dịch nhằm bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Trên đây là một số điểm cần lưu ý trong quá trình thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai, quán triệt đến Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã tại địa phương; đề nghị các tổ chức hành nghề công chứng triển khai, quán triệt đến các công chứng viên, nhân viên, người lao động tại tổ chức mình nghiêm túc thực hiện đúng quy

định về công tác chứng thực. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời báo cáo về Sở Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Giám đốc;
- Các Phòng Tư pháp;
- Phòng HCTP, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, BTTP, "pdf".



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Hoa